

TOÀ ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HS-PT
Ngày 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Lam.

Các Thẩm phán: 3// Lê Minh Sơn;

3// Trương Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Huỳnh Hải Duy, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 9 tham gia phiên tòa: 3// Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 9, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Kha Bùn X và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Kha Bùn X, tên gọi khác: Lùn, sinh ngày 19/06/1985 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Số L, đường D, Khu dân cư M, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha T và bà Mã A B; có vợ là Nguyễn Ngọc T1 và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam H85, Quân khu 9; có mặt.

2. Đoàn Quốc T2, tên gọi khác: Thúi mập; sinh ngày 02/9/1996 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Số A, đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Thiếu úy Quân nhân chuyên nghiệp, Thợ máy, Đại đội 4, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn Vận tải 6, Cục H5, Quân khu A (nay là Lữ đoàn Vận tải 6, Quân khu A); trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Quốc V và bà Nguyễn Ngọc K; sống chung như vợ chồng với Phạm Tú L1, có 01 con (sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử lý kỷ luật và xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại

Trại tạm giam H85, Quân khu 9; có mặt.

3. Nguyễn Ngọc T1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/11/1994 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Số L, đường D, Khu dân cư M, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú B1 và bà Trần Ngọc B2; có chồng là Kha Bùn X và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra còn có 06 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Lộc Duy K1, Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho bị cáo Kha Bùn X và bị cáo Nguyễn Ngọc T1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2023, Huỳnh Quốc S nhận thấy phòng bán trà sữa tại nhà số 48T, đường K, Khóm D, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nhà số D) do chủ ruột là Huỳnh Minh H quản lý đang bỏ trống, nên S nảy sinh ý định sửa chữa, cải tạo thành phòng nghe nhạc mạnh và có sử dụng ma túy (“phòng bay lắc”). Quá trình sửa chữa, cải tạo không đủ tiền nên S rủ Đoàn Quốc T2, Kha Bùn X góp vốn, T2 và X đồng ý; X rủ thêm Trần Bội T3 tham gia thì T3 cũng đồng ý. Cả nhóm thống nhất: S góp 20.000.000 đồng; T2 góp 19.500.000 đồng; X góp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL và 03 loa nghe nhạc có chữ KRK; T3 góp 20.000.000 đồng. Việc sửa chữa, cải tạo “phòng bay lắc” đến giữa tháng 5/2023 thì hoàn thành.

Vì muốn kiếm thêm thu nhập và có tiền để mua ma túy cùng nhau sử dụng, nên S, X, T2 và T3 bàn bạc cho người khác thuê “phòng bay lắc” để sử dụng trái phép chất ma túy; giá thuê phòng thời gian đầu 06 giờ là 2.000.000 đồng, về sau tăng lên 06 giờ là 2.500.000 đồng. Sau đó, S rủ thêm Trần Tấn P cùng tham gia để tìm khách và phục vụ khách mà không phải hùn tiền thì P đồng ý. Nguồn ma túy sử dụng trong “phòng bay lắc” của khách tự mang đến hoặc do các bị cáo cung cấp khi khách có yêu cầu; dụng cụ để sử dụng ma túy như đĩa sứ (đĩa sứ), thẻ ATM dùng để cả nhuyễn ma túy, tờ tiền polyme để hít là của S hoặc khách tự mang đến.

Cả nhóm thống nhất tiền thu được từ hoạt động cho thuê “phòng bay lắc” sẽ chia đều cho S, X, T2, T3 và P vào cuối tháng (mỗi người là 20% doanh thu). Khi biết “phòng bay lắc” cho người khác thuê để kiếm thêm thu nhập thì Thái Hà V1 (bạn gái của S), Nguyễn Ngọc T1 (vợ của X), Phạm Tú L1 (sống chung như vợ chồng với T2) và Nguyễn Thị Thu H1 (bạn gái của T3) đã tự nguyện tham gia và thống nhất lợi nhuận thu được từ việc cho thuê “phòng bay lắc” thì V1 được hưởng

chung trong phần của S; L1 hưởng chung trong phần của T2; T1 hưởng chung trong phần của X; H1 hưởng chung trong phần của T3. S là người quản lý chung mọi hoạt động của “phòng bay lắc”, đồng thời cùng X, T2, T3, P, H1 dẫn khách đến thuê “phòng bay lắc”. T1, V1, L1, H1 là người trực tiếp phục vụ, thống kê chi phí của khách và chịu trách nhiệm trông coi, thu tiền và dọn dẹp phòng.

Quá trình hoạt động của “phòng bay lắc” được thực hiện kín đáo, thiết kế cách âm, cửa chính nhà số 48T luôn được khóa bằng ổ khóa số, trước khi khách đến thuê phòng đều phải liên hệ với S, khi đến thì xe của khách được đưa vào bên trong nhà số 48T.

Để thuận tiện cho việc quản lý và theo dõi hoạt động của “phòng bay lắc”, các bị cáo đã tạo ra nhóm Zalo lấy tên là “làm gì để lên” để đưa thông tin thu chi lên nhóm để tất cả cùng biết. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5 năm 2023 đến ngày 20/6/2023, Huỳnh Quốc S, Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Trần Bội T3, Trần Tấn P, Phạm Tú L1, Thái Hà V1, Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Thị Thu H1 đã nhiều lần cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức cho nhiều người khác thuê để sử dụng trái phép chất ma túy tại “phòng bay lắc”. Cụ thể như sau:

- **Lần 1:** Ngày 19/5/2023, Trần Bội T3 và Nguyễn Thị Thu H1 dẫn người khách tên H2 (không rõ địa chỉ) cùng với khoảng 10 người bạn của H2 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến thuê “phòng bay lắc” để tổ chức sinh nhật cho H2. Tại đây, sau khi nhậu, cắt bánh kem, nghe nhạc thì T3, H1, S, V1 và nhóm của H2 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy (nguồn ma túy không xác định do ai cung cấp); S thu tiền thuê phòng, tiền trang trí, tiền nước uống của H2 là 6.500.000 đồng và giữ số tiền này.

- **Lần 2:** Ngày 24/5/2023, Đoàn Quốc T2 tổ chức sinh nhật cho Phạm Tú L1 tại “phòng bay lắc” với sự tham gia của S, X, T2, T3, P, H1, V1, L1 cùng Trần Trọng T4, Trần Nhật K2 và người tên T5 (không rõ địa chỉ). Sau khi nhậu, cắt bánh kem, nghe nhạc, cả nhóm cùng nhau sử dụng ma túy là loại Ketamine, thuốc lắc và nước vui (nguồn ma túy không xác định do ai cung cấp); riêng L1 thì không sử dụng, lần này chưa tính tiền phòng và tiền ma túy.

- **Lần 3:** Đêm 28/5/2023, Đoàn Quốc T2 dẫn khách tên Trịnh Văn H3, Huỳnh Quán Q, Trần Nhật K2 và hai người tên T6, M (không rõ địa chỉ) đến thuê “phòng bay lắc” để nhậu, nghe nhạc và sử dụng ma túy là Ketamine và thuốc lắc (nguồn ma túy do P đem lại). Đến khoảng 03 giờ sáng, ngày 29/5/2023, X đến cùng tham gia sử dụng ma túy, Phạm Tú L1 giúp T2 chuẩn bị phòng cho khách rồi ra về trước khi T2 dẫn khách đến; sau đó T2 thu tiền ma túy, tiền thuê phòng của khách là 7.500.000đ và giữ số tiền này.

- **Lần 4, 5:** Khoảng cuối tháng 5/2023, Trần Tấn P 02 lần (cùng ngày) dẫn người khách tên “Mậu” (không rõ địa chỉ) cùng khoảng 4 đến 5 người bạn của M1 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến thuê “phòng bay lắc” để sử dụng ma túy là Ketamine, thuốc lắc (nguồn ma túy do M1 và những người bạn của M1 mang đến). Sau đó, P thu tiền thuê phòng của M1 2.000.000 đồng.

- **Lần 6:** Khoảng cuối tháng 5/2023, Trần Tấn P dẫn người khách tên “H4” (không rõ địa chỉ) cùng khoảng 2 đến 3 người bạn của H4 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến thuê “phòng bay lắc” để sử dụng ma túy là Ketamine, thuốc lắc (nguồn ma túy P mua giúp) và P cùng tham gia; xong P thu tiền của H4 là 2.500.000 đồng.

Tổng số tiền dẫn 3 lượt khách lần 4, 5, 6 Phước thu là 4.500.000 đồng, P đã đưa cho S 3.500.000 đồng còn giữ lại 1.000.000 đồng.

- **Lần 7:** Buổi tối ngày 01/6/2023, Đoàn Quốc T2 dẫn Sơn Bảo T7, Như (là em gái họ của T7); Phùng Thanh P1 đến thuê “phòng bay lắc” để sử dụng ma túy là Ketamine, thuốc lắc và nước vui (nguồn ma túy không xác định do ai cung cấp) có sự tham gia của S, P, T3 và V1; Phạm Tú L1 giúp T2 trông coi, tính tiền và dọn dẹp phòng khi khách về. Thối thu tiền phòng, tiền thức ăn, nước uống của T7, Như, P1 là 3.000.000 đồng và giữ số tiền này.

- **Lần 8:** Ngày 13/6/2023, Huỳnh Quốc S dẫn khách tên Vương Đăng K4, và 01 người nữ tên T8 (không rõ địa chỉ) đến thuê “phòng bay lắc” để sử dụng ma túy là Ketamine và thuốc lắc (nguồn ma túy do Kha Bùn X mua giùm K4), S, V1 cùng tham gia sử dụng ma túy với K4 và T8; Nguyễn Ngọc T1 cung cấp đồ ăn, nước uống; V1 mang các đồ ăn, nước uống, khăn giấy vào phòng, đồng thời trông coi, tính tiền và dọn dẹp phòng sau khi K4 về, S thu của K4 số tiền 12.200.000 đồng (thông qua chuyển khoản), S đã chuyển khoản trả cho T1 3.000.000 đồng (tiền mua đồ ăn, nước uống của K4); còn lại 9.200.000 đồng S giữ.

- **Lần 9:** Đêm ngày 18/6/2023 đến rạng sáng ngày 19/6/2023, Huỳnh Quốc S dẫn Vương Đăng K4 và T8 đến thuê “phòng bay lắc” để sử dụng ma túy là Ketamine và thuốc lắc (nguồn ma túy do Kha Bùn X mua giùm K4), S, V1 cùng tham gia sử dụng ma túy với K4 và T8; V1 mang các đồ ăn, nước uống, khăn giấy vào phòng, đồng thời trông coi, tính tiền và dọn dẹp phòng sau khi K4 về, S thu của K4 số tiền 13.400.000đ (thông qua chuyển khoản); S đã chuyển cho X 10.200.000đ tiền nhờ mua dùm ma túy cho K4 thông qua số tài khoản của T1; còn lại tiền cho thuê phòng, tiền mua đồ ăn, nước uống 3.200.000 đồng S giữ.

- **Lần 10:** Đêm 19/6/2023 đến rạng sáng ngày 20/6/2023, cả nhóm S, X, T2, T3, P, V1, L1, T1, H1 cùng nhau tổ chức sinh nhật cho X tại “phòng bay lắc” có sự tham gia của Trần Trọng T4. Sau khi nhậu, cắt bánh kem, nghe nhạc thì cả nhóm tổ chức sử dụng ma túy là Ketamine, thuốc lắc và nước vui (nguồn ma túy không xác định được do ai cung cấp), riêng T4 sử dụng loại ma túy tự mang lại. Lần này chưa tính tiền phòng và tiền ma túy.

- **Lần 11:** Đêm ngày 20/6/2023 đến rạng sáng ngày 21/6/2023, sau khi nhậu xong, S, X, T2, P, V1, L1, T1, T4 tiếp tục tổ chức sử dụng ma túy là Ketamine và thuốc lắc tại “phòng bay lắc” (nguồn ma túy không xác định do ai cung cấp), riêng T4 vẫn sử dụng loại ma túy tự mang lại. Lần này cũng chưa tính tiền phòng và tiền ma túy.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S kết hợp với Công an P2, thành phố S kiểm tra hành chính nhà số 48T, phát hiện

bên trong nhà có “phòng bay lắc”, trong phòng lúc này có X, T2, P, V1, L1, T1, T4.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 25-7-2024 của Toà án quân sự Khu vực Quân khu 9 đã quyết định:

Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; các khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Kha Bùn X 09 (chín) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24/6/2023).

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; các khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Quốc T2 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24/6/2023).

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; các khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 07 năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo khác từ 04 năm đến 11 năm tù; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 47.100.000 đồng; xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 30/7/2024 bị cáo Đoàn Quốc T2 kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 25-7-2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9, xin giảm nhẹ hình phạt. Với lý do trong Kết luận điều tra và Cáo trạng đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngày 07/8/2024 bị cáo Kha Bùn X, Nguyễn Ngọc T1 kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 25-7-2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9, xin giảm nhẹ hình phạt. Với lý do đã tố giác tội phạm giúp Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm mới và đã tích cực cung cấp chứng cứ để cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1 thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận: Vào khoảng tháng 4 năm 2023, Đoàn Quốc T2, Kha Bùn X góp vốn cùng Huỳnh Quốc S, Trần Bội T3 sửa chữa phòng bán trà sữa thành “phòng bay lắc”. Sau khi việc sửa chữa hoàn thành, vì muốn có thêm thu nhập và có tiền mua ma túy sử dụng, cả nhóm bàn bạc thống nhất cho thuê “phòng bay lắc”. Quá trình hoạt động có Trần Tấn P, Thái Hà V1, Nguyễn Ngọc T1, Phạm Tú L1 và Nguyễn Thị Thu H1 cùng tham gia. Quá trình “phòng bay lắc” hoạt động, S là người quản lý chung mọi hoạt động của “phòng bay lắc”, X, T2, T3, P,

H1 dẫn khách đến thuê “phòng bay lắc”; T1, V1, L1, H1 là người trực tiếp phục vụ, thống kê chi phí của khách và chịu trách nhiệm trông coi, thu tiền và dọn dẹp phòng. Bị cáo T2 cho rằng, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tích cực giúp cơ quan điều tra làm rõ vụ án. Bị cáo X và bị cáo T1 cho rằng, đã tố giác tội phạm giúp cơ quan điều tra khởi tố vụ án; gia đình các bị cáo gặp khó khăn.

Tranh luận tại phiên tòa, sau khi phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, phân tích, đánh giá về tính chất của hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 9 nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Kháng cáo của các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1 là hợp lệ, đúng trình tự, trong thời hạn luật định, cần được chấp nhận để xem xét giải quyết.

Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Đối với yêu cầu áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T2 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm khai báo còn quanh co dẫn đến cơ quan tiến hành tố tụng phải xem xét nhiều chứng cứ, tài liệu để làm rõ nên không có cơ sở áp dụng. Đối với bị cáo X, bị cáo T1, việc tố giác tội phạm là trong một vụ án khác và các bị cáo cũng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là có thành tích trong việc hợp tác để làm rõ vụ án. Yêu cầu của các bị cáo và của Luật sư về việc áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo X và bị cáo T1 là không có cơ sở.

Mức hình phạt Bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 25-7-2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

Tranh luận tại phiên tòa, bào chữa cho bị cáo Kha Bùn X và bị cáo Nguyễn Ngọc T1, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Bản án sơ thẩm đã áp dụng, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tình tiết hai bị cáo đã tố giác tội phạm giúp Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm mới và đã tích cực cung cấp chứng cứ để cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can, gia đình hai bị cáo khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và theo đó áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Bị cáo Kha Bùn X và bị cáo Nguyễn Ngọc T1 nhất trí lời bào chữa của Luật sư và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho hai bị cáo.

Bị cáo Đoàn Quốc T2 cho rằng trong giai đoạn điều tra đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để khởi tố bị can, trong Kết luận điều tra và Bản cáo trạng đã đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xin Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1 là hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung của Bản án sơ thẩm. Vào khoảng tháng 4 năm 2023, Đoàn Quốc T2, Kha Bùn X góp vốn cùng Huỳnh Quốc S, Trần Bội T3 sửa chữa phòng bán trà sữa thành “phòng bay lắc”. Sau khi việc sửa chữa hoàn thành, vì muốn có thêm thu nhập và có tiền mua ma túy sử dụng, cả nhóm bàn bạc thống nhất cho thuê “phòng bay lắc”. Quá trình hoạt động có Trần Tấn P, Thái Hà V1, Nguyễn Ngọc T1, Phạm Tú L1 và Nguyễn Thị Thu H1 cùng tham gia. Sử là người quản lý chung mọi hoạt động của “phòng bay lắc”, X, T2, T3, P, H1 dẫn khách đến thuê; T1, V1, L1, H1 là người trực tiếp phục vụ, thống kê chi phí của khách và chịu trách nhiệm trông coi, thu tiền và dọn dẹp phòng. Như vậy, bản án sơ thẩm tuyên các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Đoàn Quốc T2 xin xem xét áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do trong Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo hồ sơ thể hiện trong quá trình điều tra bị cáo đã khai và nhận dạng chỉ rõ đối tượng tham gia, khai báo chi tiết hoạt động của “phòng bay lắc” để cơ quan điều tra làm rõ nội dung vụ án. Lời khai báo này của bị cáo là thể hiện sự thành khẩn khai báo làm rõ nội dung vụ án và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo quanh co, dẫn đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải xét hỏi các bị cáo khác, công bố nhiều chứng cứ có liên quan để chứng minh hành vi phạm tội, giải quyết toàn diện vụ án, từ đó tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát đã không đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Kha Bùn X và bị cáo Nguyễn Ngọc T1 xin xem xét áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trong kháng cáo các bị cáo cho rằng đã tố giác tội phạm giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm mới và tích cực cung cấp chứng cứ có liên quan để cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can; bị cáo cũng cho rằng đã thành khẩn khai báo, gia đình khó khăn. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết toàn diện vụ án, sự thành khẩn khai báo của các bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với lý do kháng cáo và chứng cứ các bị

cáo đưa ra, các bị cáo tố giác tội phạm trong vụ án khác, xảy ra sau khi các bị cáo đã bị truy tố ra Tòa án để xét xử nên tình tiết các bị cáo đưa ra không được xem xét trong vụ án này. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 đưa ra chứng cứ xác nhận của địa phương là gia đình khó khăn, tuy nhiên theo tinh thần quy định tại điểm c Mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999, thì tình tiết này không thuộc trường hợp xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1 không đưa ra chứng cứ khác so với phiên tòa sơ thẩm để Hội đồng xét xử xem xét.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù; hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm vào hai tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên”. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tuyên phạt bị cáo Kha Bùn X 09 năm tù, bị cáo Đoàn Quốc T2 08 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 07 năm tù là đã rất khoan hồng đối với các bị cáo.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 9 về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ; còn đề nghị của Luật sư, các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 260; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Kha Bùn X (tên gọi khác: Lùn), Đoàn Quốc T2 (tên gọi khác: Thái mập), Nguyễn Ngọc T1; giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

Tuyên bố các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Kha Bùn X 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24/6/2023).

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Quốc T2 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24/6/2023).

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; các khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Kha Bùn X, Đoàn Quốc T2, Nguyễn Ngọc T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Luật sư;
- TAQS KVQK9;
- VKSQS QK9;
- VKSQS KV91;
- CQĐT KV5-QK9
- CQĐTHS QK9;
- Trại tạm giam H85;
- Phòng THA QK9;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3// Nguyễn Văn Lam